TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2024/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Ngô Thị Hà

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn",* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị D sinh ngày 10/6/1993

Nơi thường trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lưu Văn S sinh ngày 26/01/1987

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ cư trú hiện tại: Số G, đoạn B, đường S, quận Đ, thành phố Đ, tỉnh Đài Bắc, Đài Loan.

Số hộ chiếu: B9840521 do Cục Q cấp ngày 13/3/2015.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, chị Nguyễn Thị D và anh Lưu Văn S thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Anh, chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/10/2010 và có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S sinh sống ở nước ngoài đã lâu, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến bất

đồng quan điểm sống. Nay anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Lưu Vĩnh Kỳ Â sinh ngày 29/9/2011 và Lưu Nghĩa K sinh ngày 22/4/2015. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cả hai cháu Â và K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh S tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/1cháu (4.000.000đ/2 cháu).

Về tài sản và công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, chị D và anh S vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã đảm bảo đúng quy định. Về nội dung các yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án công nhận các thỏa thuận của chị D và anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Anh Lưu Văn S đang sống và lao động tại Đài Loan nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Chị D và anh S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt anh, chị.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Nay anh, chị có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Lưu Vĩnh Kỳ Â sinh ngày 29/9/2011 và Lưu Nghĩa K sinh ngày 22/4/2015. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cả hai cháu Â và K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/1cháu (4.000.000đ/2 cháu). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thoả thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận.

[2.3]. Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chị D tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Các nội dung thỏa thuận trên của chị D và anh S là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 2 Điều 207; Điều 361; khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 396 và

khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1.Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Lưu Văn S.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị D và anh S: anh, chị có hai con chung là Lưu Vĩnh Kỳ Â sinh ngày 29/9/2011 và Lưu Nghĩa K sinh ngày 22/4/2015. Giao cả hai cháu Â và K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1cháu (4.000.000đ/2 cháu). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị D tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị D đã nộp tại biên lai số 0000239 ngày 02/4/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị D đã nộp đủ lệ phí).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N, TX N, Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Ngô Thị Hà